

Bản án số: **03 /2022/HSST**

Ngày: 06/01/2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Văn Thành**.

Ông **Phạm Văn Tuất**.

Ông **Nguyễn Minh Hùng**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Trương Quang Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 118/2021/TLST-HS ngày 01/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HS ngày 15/10/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981, tại Hải Dương; nơi cư trú: Tổ 13 Tây Nam, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình Đ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Huy Th (Danh bản ghi: Nguyễn Huy Th - chết) và bà Lê Thị Th (1959), chồng là Lê Quang Đ (1971), có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Quang Đ**, sinh năm 1971, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ 13 Tây Nam, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình Đ học vấn: 12/12; con ông Lê Quang Đ (1938) và bà Tạ Thị T (chết), vợ là Nguyễn Thị T (1981), có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2020, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

. Luật sư **Đặng Văn Pháo** - Văn phòng Luật sư Đặng Văn Pháo, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa - bào chữa cho bị cáo Lê Quang Đ theo yêu cầu của bị cáo. Luật sư Pháo có mặt tại phiên tòa.

. Bị cáo Nguyễn Thị T từ chối luật sư bào chữa theo chỉ định của các cơ quan tiến hành tố tụng và cũng không mời luật sư bào chữa.

**- Người bị hại:**

**01. Ông Vương Hồng Lĩnh**, sinh năm 1962; nơi cư trú: Lô 59 Khu 51 Lê Hồng Phong, Phước Tân, Nha Trang. Ông Lĩnh có đơn xin vắng mặt.

**02. Ông Nguyễn Văn Trí**, sinh năm 1954; nơi cư trú: 61 Dã Tượng, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Ông Trí có đơn xin vắng mặt.

**03. Bà Đỗ Thị Toán**, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ dân phố Phước Đa 3, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà Toán có mặt.

**04. Bà Bùi Thị Thanh Lịch**, sinh năm 1957; nơi cư trú: 188 Dã Tượng, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Lịch có mặt tại phiên tòa.

**05. Bà Đinh Thị Thủy**, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn Đại Điền Trung 1, xã Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa. Bà Thủy có mặt tại phiên tòa.

**06. Bà Nguyễn Thị Hải Yến**, sinh năm 1987; nơi cư trú: 33/11 Hương lộ Ngọc Hiệp, Ngọc Hiệp, Nha Trang. Bà Hải Yến có đơn xin vắng mặt.

**07. Bà Phạm Thị Hồng Thanh, Ông Hoàng Công Trung**; địa chỉ: 75 Hoàng Diệu, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Ông Trung vắng mặt, bà Thanh có mặt.

**08. Ông Đoàn Mạnh Hùng**, sinh năm 1988; nơi cư trú: 37 đường 6C Phước Long, Nha Trang. Ông Hùng vắng mặt tại phiên tòa.

**09. Ông Nguyễn Quốc Khánh**, sinh năm 1980; nơi cư trú: 27/5 Vũ Xuân Thiều, Phước Long, Nha Trang. Ông Khánh vắng mặt tại phiên tòa.

**10. Bà Phan Thị Yến**, sinh năm 1986; nơi cư trú: 39/51 Hoàng Diệu, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Yến có mặt tại phiên tòa.

**11. Bà Nguyễn Thị Lam**, sinh năm 1963 (đã chết ngày 28/01/2020).

Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lam:

. Ông **Ngô Anh Tuấn**, sinh năm 1964 (chồng bà Lam) - vắng mặt.

. Chị **Ngô Thị Vũ Thùy**, sinh năm 1988 (con bà Lam) - có mặt.

Cùng địa chỉ: 75/3 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang.

. Anh **Ngô Khánh Tiến**, sinh năm 1994 (con bà Lam); địa chỉ: 20 Place Georges Pompidou, Noisy Le Grand, Prance. Anh Tiến có đơn xin vắng mặt.

**12. Ông Đỗ Văn Hạnh, bà Huỳnh Thị Thanh Hà**; địa chỉ: 2B/5 Nguyễn Thị Định, Phước Long, Nha Trang. Ông Hạnh, bà Hà có đơn xin vắng mặt.

**13. Ông Lê Hoàng Hạnh**, sinh năm 1980; nơi cư trú: 27/13 đường 7B, Phước Long, Nha Trang. Ông Hoàng Hạnh vắng mặt tại phiên tòa.

**14. Bà Đặng Thị Mai Hương**, sinh năm 1989; nơi cư trú: 16B Châu Văn Liêm, Phước Long, Nha Trang. Bà Hương vắng mặt tại phiên tòa.

**15. Bà Nguyễn Thị Hằng Hải**, sinh năm 1975; nơi cư trú: 193/7 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Hải vắng mặt tại phiên tòa.

**16. Ông Trần Đức Thanh Nam, bà Trần Thị Huệ**; địa chỉ: 175 Nguyễn Thị Định, Phước Long, Nha Trang. Bà Huệ vắng mặt, ông Nam có mặt.

**17. Bà Chu Thị Thanh**, sinh năm 1960; nơi cư trú: 05 Dã Tượng, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Thanh có đơn xin vắng mặt.

**18. Ông Trần Văn Huệ**, sinh năm 1962; nơi cư trú: lô 20 K57/17 Hoàng Diệu, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Ông Huệ có mặt tại phiên tòa.

**19. Ông Nguyễn Đức Thế**, bà **Trần Thị Yến**; nơi cư trú: 27/20 Dương Quảng Hàm, Phước Long, Nha Trang. Ông Thế vắng mặt, bà Yến có mặt.

**20. Ông Nguyễn Bá Thạch**, sinh năm 1980; nơi cư trú: 100/5A Trần Phú, Lộc Thọ, Nha Trang. Ông Thạch có mặt tại phiên tòa.

**21. Bà Trần Thị Mỹ Linh**, Ông **Võ Đình Thi**; nơi cư trú: 218 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Ông Thi vắng mặt, bà Linh có mặt tại phiên tòa.

**22. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lam (Lan)**, sinh năm 1970; nơi cư trú: 06 Võ Thị Sáu, Phước Long, Nha Trang. Bà Ngọc Lam có đơn xin vắng mặt.

**23. Bà Nguyễn Thị Nhanh**, sinh năm 1956; nơi cư trú: 17/10/2 Hoàng Diệu, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Nhanh có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Đỗ Duy Kính**, sinh năm 1954; nơi cư trú: 64B/17 Trần Phú, Lộc Thọ, Nha Trang. Ông Kính vắng mặt tại phiên tòa.

**2. Ông Đậu Cao Bắc**; nơi cư trú: 01 Hòa Tây, Vĩnh Hòa, Nha Trang. Ông Bắc vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người làm chứng:**

**01. Anh Trần Văn Thủy**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Lô 20 K57/17 Hoàng Diệu, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Anh Thủy vắng mặt tại phiên tòa.

**02. Ông Lê Khắc Liêm**, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Số 16 Nguyễn Thị Định, Phước Long, Nha Trang. Ông Liêm vắng mặt tại phiên tòa.

**03. Ông Lê Hữu Tuấn**, sinh năm: 1977; nơi cư trú: NV 20 Lô 27 Khu đô thị Phước Long A, Phước Long, Nha Trang. Ông Tuấn vắng mặt tại phiên tòa.

**04. Chị Nguyễn Thị Xuân Lâm**, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn Tân Thành, Vĩnh Phương, Nha Trang. Chị Lâm vắng mặt tại phiên tòa.

**05. Bà Nguyễn Thị Kim Thi**, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Số 36/8 Đình Tiên Hoàng, Lộc Thọ, Nha Trang. Bà Thi vắng mặt tại phiên tòa.

**06. Chị Võ Đỗ Lan Chi**, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Thôn Võ Cạnh, Vĩnh Trung, Nha Trang. Chị Lan Chi vắng mặt tại phiên tòa.

**07. Bà Phạm Thị Châu Anh**, sinh năm: 1974; chỗ ở: Số 3/18 Nguyễn Lỗ Trạch, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Bà Châu Anh vắng mặt tại phiên tòa.

**08. Bà Phạm Thị Minh Tâm**, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Số 115A Nguyễn Thị Minh Khai, Phước Hòa, Nha Trang. Bà Tâm vắng mặt tại phiên tòa.

**09. Anh Nguyễn Văn Thương**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn Hội Xương, Suối Hiệp, Diên Khánh. Anh Thương vắng mặt tại phiên tòa.

**10. Ông Trần Văn Tin**, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 432 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang. Ông Tin vắng mặt tại phiên tòa.

**11. Ông Lê Đông Phương**, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Số 38 Trần Nhật Duật, Phước Hòa, Nha Trang. Ông Phương vắng mặt tại phiên tòa.

**12. Ông Trần Văn Lệnh**, sinh năm: 1958; nơi cư trú: Số 109 Lý Nam Đế, Phước Long, Nha Trang. Ông Lệnh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

**13. Bà Trần Thị Hân**, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Số 98A1 Phùng Hưng, Phước Long, Nha Trang. Bà Hân có mặt tại phiên tòa.

**14. Anh Vũ Mạnh Linh**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số 5A Tuệ Tĩnh, Lộc Thọ, Nha Trang. Anh Linh vắng mặt tại phiên tòa.

**15. Bà Lê Thị Thủy**, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Số 105/4 Nguyễn Khuyến, X, Nha Trang. Bà Thủy vắng mặt tại phiên tòa.

**16. Ông Trần Công Phúc**, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số 52 Mai Xuân Thưởng, X, Nha Trang. Ông Phúc vắng mặt tại phiên tòa.

**17. Chị Hoàng Thị Thanh Hương**, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số 18/1 Châu Văn Liêm, Phước Long, Nha Trang. Chị Hương vắng mặt tại phiên tòa.

**18. Chị Nguyễn Thị Quỳnh Hoa**, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 15 Phước Long, Phước Long, Nha Trang. Chị Hoa vắng mặt tại phiên tòa.

**19. Anh Đoàn Phi Phi**, sinh năm: 1979, chỗ ở: Số 164/1 Dã Tượng, Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Anh Phi vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ tiền vay của người khác với lãi suất cao, Nguyễn Thị T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. T tung tin, nói dối bản thân cần tiền để đầu tư kinh doanh, buôn bán, đồng thời có nhiều mối quan hệ quen biết nên có khả năng chạy, lo xin được việc làm cho người khác vào các Cơ quan hành chính sự nghiệp, Lực lượng vũ trang, Giáo dục, Y tế, Hàng không, Doanh nghiệp, Hải quan ... nhưng với điều kiện phải bỏ ra một số tiền nhất định. Sau khi nhận được tiền (từ các khoản vay và từ những người có nhu cầu xin việc làm), T không có bất cứ một hành vi nào thể hiện việc chạy, lo xin việc làm cũng như đầu tư kinh doanh mà sử dụng tiền chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, trả nợ và trả lãi vay. Mặt khác, để chiếm đoạt được số tiền nhiều hơn, lớn hơn giá trị ban đầu, T tiếp tục có hành vi gian dối như hứa hẹn sẽ chạy, lo xin việc làm ở những ngành nghề, địa bàn, vị trí, thu nhập có điều kiện tốt hơn và nhiều lý do khác như sức khỏe, chiều cao, điều chuyển công tác nhằm mục đích buộc những người có nhu cầu về việc làm phải đưa thêm tiền để T chiếm đoạt. Với phương pháp và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, Nguyễn Thị T đã trực tiếp hoặc thông qua Lê Quang Đ (chồng T) nhận tiền của nhiều người dưới hình thức

vay, mượn, xin việc làm ... rồi chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Cụ thể như sau:

**01.** Khoảng cuối năm 2014, thông qua người quen, ông Vương Hồng Lĩnh gặp và hỏi T lo cho con ông Đỗ Duy Kính đi làm. T nói với ông Lĩnh là có suất lo được vào biên chế, làm tại Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên với số tiền 95.000.000đ. Ông Lĩnh tưởng thật nên đã nói lại và nhận từ ông Kính số tiền 95.000.000đ cùng bộ hồ sơ xin việc làm rồi đưa cho T. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, T đã chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau nhiều lần, ông Lĩnh hỏi quyết định đi làm thì T trả lời lo vào Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên không được, nay có suất lo vào ngành công an (bộ phận phòng cháy chữa cháy) và yêu cầu ông Lĩnh đưa thêm số tiền 170.000.000đ để lo việc. Ông Lĩnh nói lại và nhận thêm từ ông Kính số tiền 170.000.000đ rồi đưa cho T. Sau khi nhận tiền, T tiếp tục chiếm đoạt số tiền này.

Ngoài ra, ông Lĩnh có hỏi T lo việc cho hai trường hợp là người quen ở Nghệ An vào làm tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và Công ty truyền tải điện 3. Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng T vẫn nói lo được và ra giá vào làm kế toán tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh với số tiền 200.000.000đ và vào làm tại Công ty truyền tải điện 3 với số tiền 250.000.000đ. Ông Lĩnh đã đưa cho T số tiền 450.000.000đ. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên.

Như vậy, tổng số tiền T đã chiếm đoạt của ông Lĩnh cho 03 trường hợp xin việc làm là **715.000.000đ**.

**02.** Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2014 và trong năm 2015, T gặp và chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn số tiền **225.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho con gái của ông Trí vào dạy tại trường Nguyễn Văn Trỗi, Nha Trang. Trường hợp này, T đã trả lại cho ông Trí số tiền 15.000.000đ.

**03.** Năm 2014, T gặp và chiếm đoạt của ông Đoàn Mạnh Hùng số tiền **130.000.000đ** dưới hình thức lo thi công chức cho ông Hùng được vào ngành giáo dục. Trường hợp này, T đã trả lại cho ông Hùng số tiền 130.000.000đ.

**04.** Cũng năm 2014, T chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc Khánh số tiền **160.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho cháu của ông Khánh vào làm việc tại bộ phận kế toán Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Trường hợp này, T đã trả lại cho ông Khánh số tiền 160.000.000đ.

**05.** Khoảng tháng 5/2015, T gặp và chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Toán số tiền **110.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho con gái của bà vào làm việc tại Phòng khám số 5 Bình Tân, Nha Trang. Trường hợp này, T đã trả lại cho bà Toán số tiền 20.000.000đ.

**06.** Trong tháng 5/2014, T gặp và chiếm đoạt của bà Bùi Thị Thanh Lịch số tiền **165.000.000đ**. Trong đó, 120.000.000đ dưới hình thức lo việc cho con gái của bà vào dạy tại trường Phước Tiến hoặc Tân Lập, Nha Trang; số tiền 45.000.000đ dưới hình thức vay có lãi suất 6%/tháng, đã trả lãi 03 tháng với số tiền 8.100.000đ.

**07.** Khoảng tháng 7/2015, thông qua bà Bùi Thị Thanh Lịch, T gặp và chiếm đoạt của bà Đinh Thị Thủy số tiền **185.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho con gái của bà vào dạy tại trường tiểu học Diên Điền, Diên Khánh với số tiền 150.000.000đ; sau đó, T chiếm đoạt thêm 35.000.000đ để chuyển về dạy tại trường Phước Long 1, Nha Trang.

**08.** Khoảng tháng 11/2014, thông qua ông Vương Hồng Lĩnh, T gặp và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hải Yến số tiền **430.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho chị Yến. Ban đầu vào làm việc tại Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên, Nha Trang với số tiền 120.000.000đ. Sau đó, T nêu lý do không lo được cho chị Yến vào làm việc tại Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên, Nha Trang nhưng sẽ lo vào làm việc trong ngành công an để tiếp tục chiếm đoạt thêm của chị Yến số tiền 310.000.000đ.

**09.** Ngày 28/4/2015, T sử dụng “*Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001461, tên chủ xe Lê Quang Đ, biển số đăng ký 79A-068.47*” giả (vì *Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thật vợ chồng T đã thế chấp cho ngân hàng do xe ô tô mua trả góp*) để thế chấp cho chị Phan Thị Yến vay **400.000.000đ**, lãi suất 5%/tháng. Trường hợp này, T đã trả lãi 04 tháng số tiền 80.000.000đ, trả gốc số tiền 250.000.000đ. Ngoài ra, từ năm 2014 đến năm 2015, T còn nhiều lần chiếm đoạt của chị Phan Thị Yến số tiền 830.000.000đ dưới hình thức vay lãi suất 7%/tháng. Các trường hợp này, T đã trả lãi vay từ năm 2014 đến tháng 5/2015.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của chị Phan Thị Yến tổng cộng là **1.230.000.000đ**.

**10.** Ngày 03/9/2014, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Lê Hoàng Hạnh số tiền **100.000.000đ** dưới hình thức vay có lãi suất 5%/tháng, đã trả lãi vay 13 tháng với số tiền 65.000.000đ.

**11.** Ngày 06/02/2015, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lam số tiền **250.000.000đ** dưới hình thức vay có lãi suất 3%/tháng, đã trả lãi được 11 tháng với số tiền 82.500.000đ.

**12.** Ngày 30/10/2015 và ngày 31/10/2015, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của bà Đặng Thị Mai Hương số tiền **220.000.000đ** dưới hình thức vay lãi suất 7%/tháng đã trả lãi vay 02 tháng. Bà Hương có đơn không yêu cầu T phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự.

**13.** Ngày 29/10/2015, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của bà Chu Thị Thanh số tiền **50.000.000đ** dưới hình thức vay, mượn cá nhân. T đã trả số tiền 11.000.000đ.

**14.** Khoảng tháng 12/2015, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Trần Đức Thanh Nam số tiền **160.000.000đ** dưới hình thức vay mượn. T đã trả số tiền 100.000.000đ.

**15.** T mượn tiền của bà Nguyễn Thị Hằng Hải 02 lần, cụ thể: Lần 1: Vào ngày 26/10/2015, bà Hải lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất mang thế chấp vay tiền đưa cho Thuý mượn với số tiền 550.000.000đ không tính lãi suất, phần lãi suất do bà Hải thế chấp vay thì T có trách nhiệm trả; Lần 2: Bà

Hải cho Thuý mượn 70.000.000đ không tính lãi suất. Tổng số tiền Thuý đã vay và nhận từ bà Hải là 620.000.000đ. Sau khi nhận tiền từ bà Hải, T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

**16.** Khoảng cuối năm 2014 và trong năm 2015, ông Trần Văn Huệ được ông Đậu Cao Bắc dẫn đến gặp T hỏi lo cho con gái vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa. T nói lo được và ra giá 100.000.000đ, ông Huệ đã đưa 100.000.000đ cho T. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt. Khi ông Huệ hỏi quyết định đi làm, T viện lý do cho rằng có suất lo vào làm tại Bệnh xá Công an tỉnh Khánh Hòa và bảo ông Huệ đưa thêm số tiền 200.000.000đ, ông Huệ đồng ý và đưa 200.000.000đ cho T. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền từ ông Huệ, T viện nhiều lý do như đưa thêm tiền để lo được việc làm tại thành phố Nha Trang nếu không bị đưa ra huyện Vạn Ninh, đưa thêm tiền lo khám sức khỏe nên ông Huệ tin tưởng đưa thêm tiền cho T. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt. T đã chiếm đoạt của ông Huệ tổng số tiền là **360.000.000đ**.

Trong thời gian T nhận tiền và hồ sơ lo việc cho con gái ông Huệ, T biết ông Huệ có một con trai đang làm ở xa nên đã nói dối với ông Huệ là có suất và sẽ lo được cho con trai của ông Huệ vào làm tại bộ phận An ninh hàng không thuộc Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh với số tiền 250.000.000đ. Tin tưởng vào lời nói của T là thật và đồng thời, do T hứa nhiều lần với ông Huệ xin cho con gái vào ngành Công an nhưng không thấy kết quả nên ông Huệ đến nhà gặp Đ và T. T nói Đ đứng ra nhận tiền từ ông Huệ và đưa cho T để lo việc làm cho con ông Huệ. Đ đã viết giấy và nhận tiền cùng hồ sơ, đồng thời hứa sẽ chịu trách nhiệm về số tiền đã nhận. Sau khi nhận tiền, T và Đ đã chiếm đoạt. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền từ ông Huệ, T viện ra nhiều lý do như con ông Huệ thiếu chiều cao, vào làm Đi trưởng bộ phận an ninh không cần đi học, trường hợp này sếp không nhận yêu cầu đưa thêm tiền để lo cho sếp nên ông Huệ tin tưởng lời nói là thật đã đưa thêm tiền cho T và Đ. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt. Tổng cộng T và Đ đã chiếm đoạt tiền của ông Huệ số tiền là **910.000.000đ**.

**17.** Khoảng tháng 3/2015, thông qua Đ, T chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức Thế và bà Trần Thị Yến số tiền **420.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho con của ông Thế vào làm việc tại Cục Hải quan Khánh Hòa. Trường hợp này, Đ đã hoàn trả cho ông Thế, bà Yến số tiền 20.000.000đ.

**18.** Năm 2015, thông qua Đ, T chiếm đoạt của ông Nguyễn Bá Thạch số tiền **160.000.000đ** dưới hình thức lo việc làm cho vợ của ông Thế vào làm việc tại ngành giáo dục. Sau khi sự việc xảy ra, Đ đã hoàn trả cho ông Thạch với số tiền 11.000.000đ.

**19.** Năm 2013, T gặp và chiếm đoạt của bà Phạm Thị Hồng Thanh số tiền 620.000.000đ, trong đó có 200.000.000đ dưới hình thức lo một suất đi học cử tuyển Y Huế và một suất vào làm việc tại Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa. Ngày 20/8/2015, T tiếp tục chiếm đoạt của bà Thanh số tiền **20.000.000đ** dưới hình thức vay có lãi suất 7%/tháng, đã trả lãi 10 tháng với số tiền 14.000.000đ.

Ngày 24/12/2015, thông qua Đ, T còn chiếm đoạt của bà Thanh số tiền **400.000.000đ** dưới hình thức vay có lãi suất 6%/tháng, đã trả lãi 01 tháng với số tiền 24.000.000đ.

**20.** Từ năm 2013 đến năm 2015, T trực tiếp và thông qua Đ chiếm đoạt của ông Đỗ Văn Hạnh, bà Huỳnh Thị Thanh Hà số tiền **950.000.000đ** dưới hình thức xin việc làm và vay có lãi suất. Cụ thể:

- Thông qua Đ:

- . Xin việc làm cho con ông Hạnh vào Công an số tiền 260.000.000đ.

- . Vay có lãi suất số tiền 500.000.000đ (ngày 26/6/2013 vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất 1.250.000đ/tháng, đã trả lãi từ tháng 6/2013 đến 12/2015 số tiền 37.500.000đ; ngày 20/5/2015 vay số tiền 400.000.000đ).

- T trực tiếp chiếm đoạt dưới hình thức vay có lãi suất số tiền **190.000.000đ** (ngày 26/9/2014 vay 40.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, đã trả lãi đến tháng 12/2015 số tiền 30.000.000đ; ngày 29/6/2015 vay 50.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi đến tháng 12/2015 số tiền 12.000.000đ; ngày 29/10/2015 vay 50.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi đến tháng 12/2015 số tiền 4.000.000đ; ngày 18/11/2015 vay 50.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi đến tháng 12/2015 số tiền 2.000.000đ).

**21.** Ngày 21/01/2016, thông qua Đ, T chiếm đoạt của bà Trần Thị Mỹ Linh số tiền **400.000.000đ** dưới hình thức vay lãi suất 5%/tháng, đã trả lãi vay 01 tháng số tiền 20.000.000đ.

**22.** Các ngày 10/01/2016 và 17/01/2016, T thông qua Đ chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc Lam số tiền **200.000.000đ** dưới hình thức vay, mượn cá nhân.

**23.** Ngày 12/11/2015 và ngày 01/02/2016, thông qua Đ, T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nhanh số tiền **350.000.000đ** dưới hình thức vay có lãi suất 2%/tháng. Đối với khoản vay ngày 12/11/2015, số tiền 200.000.000đ, T đã trả lãi được 03 tháng với số tiền 12.000.000đ.

Tại bản Kết luận giám định số 137/GĐTTP/2016 ngày 01/4/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận tài liệu “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 001461, tên chủ xe Lê Quang Đ, đăng ký 79A-068.47, đăng ký lần đầu ngày 13/08/2014 là giả.

Cáo trạng số 147/CT-VKSKH-P1 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 18 đến 20 năm tù; bị cáo Lê Quang Đ từ 12 đến 13 năm tù đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại Vương Hồng Lĩnh, Nguyễn Văn Trí, Đỗ Thị Toán,



Bùi Thị Thanh Lịch, Đinh Thị Thủy, Nguyễn Thị Hải Yến, Phan Thị Yến, Nguyễn Thị Lam, Lê Hoàng Hạnh, Trần Đức Thanh Nam và bà Trần Thị Huệ, Chu Thị Thanh. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ phải liên đới bồi thường cho các bị hại Phạm Thị Hồng Thanh và ông Hoàng Công Trung, Đỗ Văn Hạnh và bà Huỳnh Thị Thanh hà, Trần Văn Huệ, Nguyễn Đức Thế và Trần Thị Yến, Nguyễn Bá Thạch, Trần Thị Mỹ Linh và ông Võ Đình Thi, Nguyễn Thị Ngọc Lam, Nguyễn Thị Nhanh. Về vật chứng: Tạm giữ số tiền 5.000.000đ để đảm bảo thi hành án; các vật chứng còn lại tịch thu tiêu hủy.

Luật sư Đặng Văn Pháo tranh luận: Không tranh luận về tội danh của bị cáo Lê Quang Đ. Sau khi phạm tội, bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, bản thân bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình phục vụ trong quân đội bị cáo được tặng thưởng nhiều huân huy chương nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Các quyết định, hành vi của các Cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, một số bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy các bị hại vắng mặt nhiều lần, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định chung.

**[2] Về nội dung vụ án:** Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến đầu năm 2016, mặc dù bản thân không có nghề nghiệp ổn định, nhưng để có tiền chi tiêu cho bản thân và trả nợ cho các cá nhân mà mình đã vay, bị cáo Nguyễn Thị T đã tung ra nhiều thông tin không có thật như: Quen biết với nhiều người có chức vụ trong các Cơ quan hành chính sự nghiệp, Lực lượng vũ trang, Giáo dục, Y tế, Hàng không, Công ty truyền tải điện 3, Hải quan ....; kinh doanh bất động sản, mua bán yến sào, shop quần áo .... để chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác bằng hình thức xin hộ việc làm và vay tiền, với tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt là **8.140.000.000đ**. Cụ thể: Chiếm đoạt của ông Vương Hồng Lĩnh 715.000.000đ; chiếm đoạt của ông Trần Văn Huệ 910.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Trí 225.000.000đ; chiếm đoạt của ông Đoàn Mạnh Hùng 130.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc Khánh 160.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức Thế và bà Trần Thị Yến 420.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Bá Thạch 160.000.000đ; chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Toán 110.000.000đ; chiếm đoạt của bà Bùi Thị Thanh Lịch 165.000.000đ; chiếm đoạt của bà Đinh Thị Thủy 185.000.000đ; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hải Yến

430.000.000đ; chiếm đoạt của bà Phạm Thị Hồng Thanh và ông Hoàng Công Trung 620.000.000đ; chiếm đoạt của ông Đỗ Văn Hạnh và bà Huỳnh Thị Thanh Hà 950.000.000đ; chiếm đoạt của chị Phan Thị Yến 1.230.000.000đ; chiếm đoạt của bà Trần Thị Mỹ Linh và ông Võ Đình Thi 400.000.000đ; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc Lam (Lan) 200.000.000đ; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nhanh 350.000.000đ; chiếm đoạt của ông Lê Hoàng Hạnh 100.000.000đ; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lam 250.000.000đ; chiếm đoạt của bà Đặng Thị Mai Hương 220.000.000đ; chiếm đoạt của bà Chu Thị Thanh 50.000.000đ; chiếm đoạt của anh Trần Đức Thanh Nam và chị Trần Thị Huệ 160.000.000đ.

Trong đó, đối với các trường hợp của các ông bà Đỗ Thị Toán, Trần Văn Huệ, Nguyễn Đức Thế và Trần Thị Yến, Nguyễn Bá Thạch, Phạm Thị Hồng Thanh và Hoàng Công Trung, Đỗ Văn Hạnh và Huỳnh Thị Thanh Hà, Trần Thị Mỹ Linh và Võ Đình Thi, Nguyễn Thị Ngọc Lam (Lan) và Nguyễn Thị Nhanh thì có sự giúp sức của bị cáo Lê Quang Đ. Cụ thể: Bị cáo Đ đã trực tiếp viết giấy và nhận tiền, cam đoan sẽ xin việc; chụp và gửi hình ảnh các cơ quan cho các đối tượng xin việc, hối thúc họ đưa tiền; cung cấp thông tin giả là bị cáo T đang công tác trong ngành giáo dục nên có khả năng xin việc; mạo nhận tài sản của người khác là của mình; bịa chuyện đang kẹt số tiền góp vốn 14 tỷ ở xăng dầu quân Đì; bịa chuyện người thân ở nước ngoài đang cần tiền giải ngân...

Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Như vậy, Cáo trạng số 147/CT-VKSKH-P1 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

**[3] Về tính chất, mức Đ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:**

Xét hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo đã phạm tội nhiều lần, xâm phạm tài sản của nhiều người với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt đặc biệt lớn. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo dùng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt như: Dùng sim điện thoại rác để giả danh người Cơ quan Nhà nước hoặc nhân tin cho bị hại, mạo nhận tài sản của người khác là của mình...mục đích là để củng cố và tạo niềm tin cho các bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Thị T là người chủ Đng tung tin nhằm mục đích lừa các bị hại, là người trực tiếp giao kèo với bị hại; bị cáo Lê Quang Đ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T, trong một số trường hợp, bị cáo Đ là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy cam đoan hoặc đi cùng bị cáo T để các bị hại tin tưởng mà giao tiền cho T. Do vậy, mức hình phạt đối với bị cáo Đ phải thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp với vai trò và hành vi của các bị cáo.

Xét thấy sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; các bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại. Riêng đối với bị cáo Đ là người có thời gian phục vụ trong quân đội, được tặng huân huy chương. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

#### **[4] Các nội dung khác:**

##### **[4.1] Trách nhiệm dân sự:**

- Tại phiên tòa, các bị hại Đoàn Mạnh Hùng, Nguyễn Quốc Khánh vắng mặt, đã được bồi thường đủ, lời khai có trong hồ sơ thể hiện họ không yêu cầu bồi thường và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Những bị hại vắng mặt nhưng trước đó có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bồi thường. Cụ thể:

- . Bà Nguyễn Thị Hải Yến yêu cầu bồi thường 430.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Ông Đỗ Văn Hạnh, bà Huỳnh Thị Thanh Hà yêu cầu bồi thường 804.500.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 402.250.000đ.

- . Bà Chu Thị Thanh yêu cầu bồi thường 39.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Ông Nguyễn Văn Trí yêu cầu bồi thường 210.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Ông Vương Hồng Lĩnh yêu cầu bồi thường 715.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Bà Nguyễn Thị Ngọc Lam (Lan) yêu cầu bồi thường 200.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 100.000.000đ.

- . Bà Đặng Thị Mai Hương vắng mặt nhưng lời khai của bà Hương có trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bồi thường 220.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Ông Lê Hoàng Hạnh vắng mặt nhưng lời khai của ông Hạnh có trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bồi thường 35.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

Xét đây là số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, tại phiên tòa các bị cáo đã đồng ý bồi thường nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường.

- Những bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu bồi thường cụ thể như sau:

- . Bà Đinh Thị Thủy yêu cầu bồi thường 185.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

- . Bà Bùi Thị Thanh Lịch yêu cầu bồi thường 165.000.000đ, bị cáo T đồng ý

bồi thường số tiền này.

. Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lam, chị Ngô Thị Vũ Thùy yêu cầu bồi thường 167.500.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

. Ông Trần Đức Thanh Nam yêu cầu bồi thường 120.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

. Bà Phan Thị Yến yêu cầu bồi thường 1.230.000.000đ, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này.

. Ông Trần Văn Huệ yêu cầu bồi thường 910.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 455.000.000đ.

. Bà Đỗ Thị Toán yêu cầu bồi thường 80.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 40.000.000đ.

. Bà Phạm Thị Hồng Thanh, ông Hoàng Công Trung yêu cầu bồi thường 582.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 291.000.000đ.

. Ông Nguyễn Đức Thế, bà Trần Thị Yến yêu cầu bồi thường 400.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 200.000.000đ.

. Ông Nguyễn Bá Thạch yêu cầu bồi thường 149.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 74.500.000đ.

. Bà Trần Thị Mỹ Linh, ông Võ Đình Thi yêu cầu bồi thường 400.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 200.000.000đ.

. Bà Nguyễn Thị Nhanh yêu cầu bồi thường 338.000.000đ, bị cáo T và bị cáo Đ đồng ý liên đới bồi thường số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 169.000.000đ.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên cần ghi nhận.

**[4.2]** Ông Vương Hồng Lĩnh do tin vào lời nói gian dối của bị cáo T, đã nhận của ông Đỗ Duy Kính 265.000.000đ để đưa cho bị cáo, số tiền này bị cáo T chiếm đoạt nên ông Lĩnh phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Kính.

**[4.3]** Khoản tiền bị cáo T vay của bà Nguyễn Thị Hằng Hải được xác định là quan hệ dân sự nên không giải quyết trong vụ án này. Bà Hải có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**[4.4]** Ông Đậu Cao Bắc được bị cáo T tặng cho 5.000.000đ từ tiền chiếm đoạt của ông Trần Văn Huệ. Ông Bắc đã nộp lại số tiền này, nên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án của bị cáo T.

**[4.5]** Về vật chứng: Các vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

tỉnh Khánh Hòa đã thu giữ, gồm: giấy đăng ký xe ô tô giả và 02 sim điện thoại, là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và cũng không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy.

**[4.6] Về án phí:** Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Ngoài ra, các bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải bồi thường; ông Vương Hồng Lĩnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải hoàn trả cho ông Đỗ Duy Kính.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ.****

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **2. Tuyên xử:**

**- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.**

**- Xử phạt bị cáo Lê Quang Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/7/2020.**

### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

**3.1.** Các bị hại Đoàn Mạnh Hùng, Nguyễn Quốc Khánh vắng mặt, đã được bồi thường đủ, lời khai có trong hồ sơ thể hiện họ không yêu cầu bồi thường và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu..

**3.2.** Buộc bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại:

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hải Yến số tiền **430.000.000đ** (bốn trăm ba mươi triệu đồng).**

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Chu Thị Thanh số tiền **39.000.000đ** (ba mươi chín triệu đồng).**

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho ông Nguyễn Văn Trí số tiền **210.000.000đ** (hai trăm mười triệu đồng).**

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho ông Vương Hồng Lĩnh số tiền **715.000.000đ** (bảy trăm mười lăm triệu đồng).**

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Đặng Thị Mai Hương số tiền **220.000.000đ** (hai trăm hai mươi triệu đồng).**

**- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho ông Lê Hoàng Hạnh số tiền **35.000.000đ** (ba mươi lăm triệu đồng).**

**3.3.** Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Đỗ Văn Hạnh, bà Huỳnh Thị Thanh Hà số tiền **804.500.000đ**. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền **402.250.000đ** (*bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Lam (Lan) số tiền **200.000.000đ**. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền **100.000.000đ** (*một trăm triệu đồng*).

**3.4.** Áp dụng Điều 213; Điều 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Nguyễn Thị T với các bị hại có mặt tại phiên tòa. Cụ thể:

. Bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đinh Thị Thủy số tiền **185.000.000đ** (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

. Bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Bùi Thị Thanh Lịch số tiền **165.000.000đ** (*một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

. Bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lam số tiền là **167.500.000đ** (*một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

. Bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Đức Thanh Nam, bà Trần Thị Huệ số tiền **120.000.000đ** (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

. Bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phan Thị Yên số tiền **1.230.000.000đ** (*một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về liên đới bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ với các bị hại. Cụ thể:

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Huệ số tiền **910.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **455.000.000đ** (*bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị Toán số tiền **80.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **40.000.000đ** (*bốn mươi triệu đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Hồng Thanh, ông Hoàng Công Trung số tiền là **582.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **291.000.000đ** (*hai trăm chín mươi mốt triệu đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đức Thế, bà Trần Thị Yên số tiền **400.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **200.000.000đ** (*hai trăm triệu đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Bá Thạch số tiền **149.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **74.500.000đ** (*bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ Linh, ông Võ Đình Thi số tiền **400.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **200.000.000đ** (*hai trăm triệu đồng*).

. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nhanh số tiền **338.000.000đ**, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường **169.000.000đ** (*một trăm sáu mươi chín triệu đồng*).

**3.5.** Ông Vương Hồng Lĩnh có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đỗ Duy Kính số tiền là **265.000.000đ** (*hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

**Quy định:** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**4.** Tiếp tục tạm giữ số tiền **5.000.000đ** (*năm triệu đồng*) theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà Nước số 0000695 ngày 31/3/2017 của Kho bạc nhà nước Khánh Hòa để bảo đảm cho việc thi hành án của bị cáo T.

**5. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: **01** (*một*) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001461, biển số 79A-06847, số máy UEJA00265, số khung SBAMEMR00265, nhãn hiệu Ford màu sơn bạc, tên chủ xe: Lê Quang Đ, địa chỉ: 6/9 Phùng Hưng, Phước Long, Nha Trang; **01** (*một*) sim điện thoại di Động mạng Viettel, số thuê bao 0976030170 đã qua sử dụng, trong phong bì niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị T và đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa; **01** (*một*) sim điện thoại di Động mạng Viettel, số thuê bao 0985002452 đã qua sử dụng, trong phong bì niêm phong có chữ ký của Lê Quang Đ và đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa. Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

**6. Về án phí:**

- Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Quang Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp **113.448.250đ** (*một trăm mười ba triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng*); bị cáo Lê Quang Đ phải nộp **69.952.500đ** (*sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vương Hồng Lĩnh phải nộp **13.250.000đ** (*mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**7. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuấn Long**